TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 18-7-2017.
Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Bích Huế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;
2. Ông Lê Quang Xẹt.

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Hương Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bồ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 543/2017/TLST-DS ngày 06/12/2016 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thiên H, sinh năm 1995; địa chỉ: 26/8, đường ĐT743, khu phố BP, phường BC, thị xã TA, tỉnh Bình Dương. Có mặt

2. Bị đơn: Ông Đỗ Vạn T, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 2, khu phố KB, phường TPK, thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/11/2016, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Thiên H trình bày:

Bà H và ông Đỗ Vạn T chung sống với nhau từ năm 2010, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường BC, thị xã TA, tỉnh Bình Dương ngày 08/3/2013. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống; ông T không lo làm ăn, không chăm sóc gia đình, thường uống rượu, có hành vi đánh đập bà H. Bà H và ông T đã sống ly thân được khoảng 1 năm. Do tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Vạn T.

Về con chung: Trong thời gian sống chung, bà H và ông T có 01 con chung tên Đỗ Thành Đ, sinh ngày 16/9/2011. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng, cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Chứng cứ do nguyên đơn xuất trình là bản sao giấy khai sinh cháu Đỗ Thành Đ; bản sao giấy đăng ký kết hôn của bà H và ông Toàn; bản sao Giấy khai sinh, sổ hộ khẩu của bà H và ông Toàn.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 26/4/2017, ông T trình bày: Ông T thống nhất với bà H về thời gian chung sống, kết hôn. Về thời gian và nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn, ông T cho rằng vào đầu năm 2016, bà H đi làm Công ty nhưng khi về nhà, có người gọi điện thoại cho bà H thì bà H đi qua nơi khác nghe điện thoại, ông T kiểm tra điện thoại nhưng bà H không cho làm cho ông T nghi ngờ bà H có người đàn ông khác nên vợ chồng mới xảy ra mâu thuẫn. Khi mâu thuẫn xảy ra, ông T có đánh bà H 01 lần và đã bị Công an phường Bình Chuẩn xử phạt vi phạm hành chính. Hiện bà H đã đưa con về sống tại nhà cha mẹ ruột tại khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương từ tháng 10/2016 đến nay. Ông T xác định còn thương bà H nên ông T không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông T thống nhất với bà H về việc ông với bà H có 01 con chung là cháu Đỗ Thành Đ. Do không đồng ý ly hôn nên ông T không có ý kiến về việc giao con cho ai nuôi và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên toà sơ thẩm: Bà H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng, bà H yêu cầu Toà án buộc ông T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên toà sơ thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc xin ly hôn với ông T; giao con chung là cháu Đỗ Thành Đ cho bà H nuôi dưỡng; ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về việc vắng mặt bị đơn ông Đỗ Vạn T: Ông T đã được Tòa án triệu tập để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lúc 14 giờ ngày 03 và 25/5/2017, triệu tập tham gia xét xử lúc 08 giờ 00 phút ngày 30/6/2017, 14 giờ 00 phút ngày 18/7/2017, nhưng ông T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông T.

[2]. Biên bản lấy lời khai ngày 26/4/2017: Ông T xác định không đồng ý ly hôn do còn tình cảm với vợ. Quá trình chung sống, vợ chồng không có nợ chung, không có tài sản chung. Về việc nuôi con chung, do không đồng ý ly hôn nên ông T cũng không có ý kiến.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thiên H và ông Đỗ Vạn T khi chung sống với nhau năm 2010 thì bà H chưa đủ 16 tuổi. Việc chung sống với nhau như vậy là vi phạm pháp luật. Năm 2013, khi bà H vừa đủ 18 tuổi thì bà H với ông T đăng ký kết hôn

thì từ thời điểm này bà H và ông T là những người đủ điều kiện kết hôn, chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 24/2013, quyển số 01/2013 ngày 08/3/2013, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4]. Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà H xác định quá trình chung sống, ông T không lo làm ăn, hay đánh vợ. Ông T với bà H đã ly thân khoảng một năm. Vì mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông T. Ông T mặc dù có ý kiến là còn tình cảm với bà H, không muốn ly hôn nhưng khi được Tòa án triệu tập hợp lệ để hoà giải, tham gia phiên toà nhưng ông T vẫn không đến, điều này cho thấy ông T hoàn T không có thiện chí để Tòa án hòa giải, vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng bà H và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông T là có cơ sở chấp nhận.

[5]. Về con chung: Bà H và ông T có 01 con chung tên Đỗ Thành Đ, sinh ngày 16/9/2011. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, tại phiên toà bà H yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng. Bà H cho rằng từ khi bà với ông T ly thân thì bé Đ sống chung với bà H, ông T không nuôi con và cũng không cấp dưỡng nuôi con. Biên bản xác minh ngày 26/4/2017 tại Uỷ ban nhân dân phường Tân Phước Khánh thì đại diện địa phương cho biết không nhận được thông tin và thư phản ánh về tình trạng hôn nhân của bà H với ông T; ông T không có ý kiến nên Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của nguyên đơn để giải quyết. Do đó, việc giao con cho bà H nuôi dưỡng là đảm bảo việc phát triển của cháu Đ. Mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng bà H yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Các Điều 28, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá XII về án phí, lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thiên H về việc xin ly hôn với ông Đỗ Vạn T như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thiên H được ly hôn với ông Đỗ Vạn T.

- Về con chung: Giao cháu Đỗ Thành Đ, sinh ngày 16/9/2011 cho bà Lê Thị Thiên H trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đỗ Vạn T phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000

đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng được thực hiện bắt đầu từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Lê Thị Thiên H và ông Đỗ Vạn T đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

2. Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Căn cứ Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH, ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, bà Lê Thị Thiên H phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012963, ngày 01/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên. Ông Đỗ Vạn T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Thiên H có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Đỗ Vạn T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã TU;
- Chi cục THA Dân sự thị xã TU;
- UBND phường BC,
thị xã TA, tỉnh Bình Dương;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Bích Huế